

Số: 46 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 1 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách đặc thù về di dân, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2014/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án một số quy định đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1166/TTr-STNMT ngày 22 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách đặc thù về di dân, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 71/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ủy

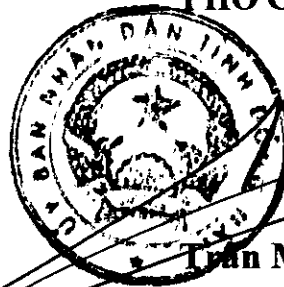
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan báo, đài;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, NC, KT, ĐT, BTCĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

QUY ĐỊNH

Về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 1 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bao gồm: Các dự án thủy điện theo đề nghị của Bộ Công Thương; các dự án thủy lợi theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngoài những nội dung quy định tại Quy định này, các nội dung khác về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện thực hiện theo quy định tại Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND) và Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện quy định tại Khoản 1 Điều này đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, về công tác di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

2. Đối với quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư:

a) Hộ gia đình sau tái định cư và hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Chương II

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường về đất

1. Hộ tái định cư có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ từ 5 km trở lên bị thu hồi đất thì được bồi thường về đất.

2. Hộ tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, có khoảng cách từ nơi ở đến khu đất sản xuất dưới 5 km nhưng không có đường vào khu đất sản xuất đó.

Căn cứ tình hình thực tế của từng trường hợp cụ thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa đề xuất việc thu hồi và bồi thường về đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Bồi thường về tài sản trên đất

1. Hộ tái định cư có đất sản xuất bị thu hồi theo quy định tại Điều 3 Quy định này được bồi thường về tài sản trên đất. Mức bồi thường cụ thể được áp dụng theo quy định hiện hành.

2. Hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng (trừ rừng đặc dụng) có xây dựng lán trại với mục đích bảo vệ rừng trên đất nhận khoán, được bên giao khoán đồng ý bằng văn bản và có đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường thiệt hại bằng giá trị tài sản đó bằng 70% giá trị làm lán trại mới. Đơn giá để tính bồi thường thực hiện theo đơn giá xây dựng nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 5. Hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền để làm nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hộ độc thân được hỗ trợ 15 m² xây dựng;

b) Hộ có nhiều người thì người thứ nhất được hỗ trợ 15 m² xây dựng, từ người thứ 02 trở lên, mỗi người tăng thêm được hỗ trợ 05 m² xây dựng.

2. Kết cấu nhà để tính mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ là nhà cấp IV hạng 1 (nhà cấp bốn hạng một).

3. Đơn giá để tính hỗ trợ: Theo đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.

Điều 6. Hỗ trợ vận chuyển người, tài sản

Trường hợp các hộ tái định cư tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ bằng tiền để tự vận chuyển, không làm đường tạm. Mức hỗ trợ cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tính toán, xác định theo chi phí thực tế tại thời điểm di chuyển, gửi Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 7. Hỗ trợ sản xuất

1. Đối với hộ tái định cư:

a) Hỗ trợ 03 năm kinh phí khuyến nông cho hộ tái định cư được giao đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo và đất khai hoang. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất mức hỗ trợ cụ thể, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình UBND tỉnh quyết định.

b) Trường hợp phải khai hoang, cải tạo đất để đảm bảo đủ đất sản xuất theo quy hoạch được duyệt cho hộ tái định cư, thì được hỗ trợ như sau: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho một ha khai hoang, 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho một ha phục hồi, 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho một ha cải tạo thành ruộng bậc thang.

2. Hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, điểm tái định cư được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi. Mức hỗ trợ sản xuất là 2.000 đồng (hai ngàn đồng) cho một m² đất thu hồi.

Điều 8. Hỗ trợ khác

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ tham quan điểm tái định cư, gồm: Chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan, theo hình thức Nhà nước tổ chức cho đại diện hộ tái định cư tham quan (hỗ trợ một lần). Mức hỗ trợ là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho một hộ đối với điểm tái định cư trong cùng địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất; 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho một hộ đối với điểm tái định cư ngoài địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất.

2. Hỗ trợ một lần kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ, nhận nhà mới: Mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho một hộ.

3. Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ: Các hộ di chuyển sớm hơn tiến độ yêu cầu của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thưởng tiến độ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho một hộ (thưởng một lần).

4. Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mả được hỗ trợ một lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống. Mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/mộ (hai triệu đồng trên một mộ).

Điều 9. Xây dựng khu, điểm tái định cư tập trung

Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được bồi thường về đất ở, đất sản xuất bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi theo quy hoạch tái định cư được duyệt. Hạn mức đất ở, đất sản

xuất giao cho mỗi hộ gia đình cá nhân căn cứ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất.

Chương III

HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

Điều 10. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao:

a) Hỗ trợ hai lần tiền mua giống gia cầm và thủy sản hoặc một lần tiền mua giống gia súc: Mức hỗ trợ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho một hộ.

b) Đối với hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo hiện hành của tỉnh, ngoài được hưởng các chính sách quy định tại Điểm a Khoản này, Điểm a, Điểm b, Điểm d và Điểm đ, Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ còn được hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay được hỗ trợ là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) cho một hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm.

2. Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp:

Các hộ được giao đất trồng rừng sản xuất được hỗ trợ một lần là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho một ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc